

Bản án số: 893/2023/HNGĐ-ST

Ngày 20-9-2023

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Ngọc Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lương

2. Bà Nguyễn Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1194/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 576/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1988; Địa chỉ cư trú: Đường B, Phường S, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

Bị đơn: Ông Dương Quốc C, sinh năm 1972; Địa chỉ cư trú: Đường B, Phường S, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vũ Việt Đ – Luật sư của Văn phòng Luật sư N thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ V; Trụ sở: Đường R, ấp A, xã E, huyện O, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn T, sinh năm 1979 – Chức danh: Giám đốc (Xin vắng mặt)

- Tổng Công ty Viễn thông F; Trụ sở: Phố L, phường Y, quận G, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Tổng Công ty Viễn thông F: Ông Huỳnh Xuân D, sinh năm 1976, Giám đốc Trung tâm mạng lưới F – Chi nhánh Tổng Công ty Viễn thông F là người đại diện theo ủy quyền. (Xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 12 năm 2022, đơn yêu cầu giải quyết chia tài sản chung ngày 06/3/2023 và trong quá trình giải quyết, Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông Dương Quốc C tự nguyện tìm hiểu khoảng 2 năm, sau đó tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường S, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 254/2010, quyền số 01/2010 ngày 30/11/2010.

Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan niệm sống và cách nhìn nhận vấn đề giáo dục con cái không phù hợp với nhau nữa. Kể từ năm 2018, vợ chồng cãi nhau nhiều hơn, sự mâu thuẫn lên tới đỉnh điểm khi bà H bị ông C bạo hành vào tối ngày 23/10/2019. Bà H cảm thấy ông C không còn tôn trọng, nhiều lần xúc phạm và đe dọa bà. Nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Dương Quốc C.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Dương Quốc T1, sinh ngày 01/06/2010 và Dương Ngọc Thanh M, sinh ngày 30/03/2013. Ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con và ông Dương Quốc C là người cấp dưỡng nuôi con, mỗi trẻ là 10.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: vợ chồng có 02 tài sản chung là nhà và đất tại địa chỉ Đường B, Phường S, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh và Đường U, Phường S, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H yêu cầu chia tài sản chung là nhà đất tại địa chỉ: Đường U, Phường S, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể yêu cầu được nhận toàn bộ nhà và đất Đường U, Phường S, quận P. Thống nhất với giá trị tài sản là 11.290.000.000 đồng theo kết quả của chứng thư định giá.

- Về nợ chung: Bà H khai không có.

Bị đơn ông Dương Quốc C trình bày: Ông đồng ý ly hôn với bà H vì quan hệ vợ chồng không còn khả năng hàn gắn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Dương Quốc T1, sinh ngày 01/06/2010 và Dương Ngọc Thanh M, sinh ngày 30/3/2013. Ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 2 con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông xác nhận nhà đất tại địa chỉ: Đường U, Phường S, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông và bà Hương. Ông thống nhất với giá trị tài sản theo kết luận của chứng thư định giá là 11.290.000.000 đồng. Ông không đồng ý đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà H và đề nghị

Tòa án chia theo quy định của pháp luật, xem xét công sức đóng góp của các bên vì nhà đất trên có nguồn gốc từ việc ông bán các bất động sản trước hôn nhân của ông để lấy tiền mua và ông là lao động chính tạo ra thu nhập trong gia đình. Đối với căn nhà Đường B, Phường S, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của ông (có văn bản thỏa thuận xác định tài sản riêng).

- Về nợ chung: Ông Ckhai không có.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ V do ông Phan Văn T là người đại diện hợp pháp trình bày: Ngày 20/02/2020 Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ V có ký kết hợp đồng thuê căn nhà số Đường U, Phường S, quận P của ông Dương Quốc C và bà Nguyễn Thị H, thời gian hợp đồng thuê là 5 năm, trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên thực hiện đúng theo hợp đồng, không có gì xảy ra vấn đề gì, nay ông C và bà H ly hôn, yêu cầu giải quyết về tài sản chung về căn nhà số Đường U, Phường S, quận P, trong thời gian hai bên giải quyết tranh chấp không được làm ảnh hưởng đến việc kinh doanh của công ty V tại địa chỉ trên. Sau khi giải quyết xong, một trong hai người được sở hữu tài sản trên, đề nghị người sở hữu tiếp tục thực hiện hợp đồng đã ký, ngoài ra công ty không ý kiến yêu cầu gì trong vụ án này và công ty xin vắng mặt trong thời gian Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Tổng Công ty Viễn thông F do ông Huỳnh Xuân D là người đại diện hợp pháp trình bày: Trung tâm mạng lưới F miền Nam có ký hợp đồng số 87-20/TT-MLMN-ĐVTT ngày 01/6/2020 với ông Dương Quốc C và bà Nguyễn Thị H về việc thuê một phần nhà để đặt trạm Mobifone tại địa chỉ Đường U, Phường S, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời hạn của hợp đồng thuê là 5 năm từ ngày 01/6/2020 đến ngày 31/5/2025, đến thời điểm hiện tại hợp đồng vẫn chưa kết thúc, phía công ty được ưu tiên thuê lại khi hết hạn hợp đồng. Tranh chấp giữa ông C và bà H là tranh chấp cá nhân, không liên quan đến Tổng Công ty Viễn thông F (Trung tâm mạng lưới F miền Nam), trường hợp khi Tòa giải quyết vụ án một trong hai bên, bất kỳ ai được quyền quản lý, sở hữu căn nhà trên đều phải có trách nhiệm, nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hợp đồng số 87-20/TT.MLMN-ĐVTT, ngày 01/6/2020 với Trung tâm mạng lưới F miền Nam theo đúng nội dung mà hai bên đã thỏa thuận. Ngoài ra công ty không có ý kiến yêu cầu gì và đề nghị xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn trình bày: Yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Dương Quốc C. Về con chung: Có 02 con chung tên Dương Quốc T1, sinh ngày 01/06/2010 và Dương Ngọc Thanh M, sinh ngày 30/3/2013, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu ông Dương Quốc C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: yêu cầu phân chia tài sản chung là nhà đất tại địa chỉ Đường U, Phường S, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, thống nhất với giá của chứng thư định giá là 11.290.000.000 đồng, bà H yêu cầu được nhận 80% giá trị nhà đất trên, yêu cầu được nhận tài sản và thôi lại tiền cho ông C 20% giá trị tài sản. Về nợ chung: Không có.

Nguyên đơn thống nhất với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn.

Bị đơn ông Dương Quốc C trình bày: Ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị H vì mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Dương Quốc T1, sinh ngày 01/06/2010 và Dương Ngọc Thanh M, sinh ngày 30/3/2013. Ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 2 con chung và các con cũng có nguyện vọng muốn ở với ông, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông xác nhận tài sản chung của ông và bà H là nhà đất tại địa chỉ Đường U, Phường S, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông thống nhất với giá của chứng thư định giá là 11.290.000.000 đồng, đề nghị Tòa án chia theo quy định của pháp luật, xem xét công sức đóng góp của các bên vì nhà đất trên có nguồn gốc từ việc ông bán các bất động sản trước hôn nhân của ông để lấy tiền mua và ông là lao động chính trong gia đình. Ông C yêu cầu được nhận 70% giá trị tài sản, yêu cầu được nhận tài sản và sẽ thanh toán 30% giá trị tài sản cho bà Hương.

- Về nợ chung: Ông C khai không có.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ V do ông Phan Văn T là người đại diện hợp pháp xin vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Tổng Công ty Viễn thông F do ông Huỳnh Xuân D là người đại diện hợp pháp xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Dương Quốc C; Về Con chung: Giao 02 con chung là trẻ Dương Quốc T1 và Dương Ngọc Thanh M cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà H do ông C không yêu cầu; Về tài sản chung: Xác định nhà đất tại địa chỉ Đường U, Phường S, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông C và bà H, ông C được nhận 60%, bà H nhận 40% giá trị tài sản. Ông C nhận tài sản và có trách nhiệm thanh toán tiền cho bà H 40%; Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị H có đơn xin ly hôn ông Dương Quốc C, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình, Bị đơn cư trú tại quận Tân Bình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có mặt, Bị đơn ông Dương Quốc C có mặt. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn ông Vũ Viết Đ có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ V do ông Phan Văn T là người đại diện theo pháp luật có đơn xin vắng mặt; Tổng Công ty Viễn thông F do ông Huỳnh Xuân D là người đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt.

Căn cứ vào Điều Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của Nguyên đơn; Hội đồng xét xử thấy:

[2.1.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 254, quyền số 01/2010 do Ủy ban nhân dân Phường S, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/11/2010 thì quan hệ hôn nhân giữa Nguyên đơn và Bị đơn là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Hội đồng xét xử nhận thấy theo ý kiến trình bày của Nguyên đơn và Bị đơn thì giữa hai bên đã có mâu thuẫn tồn tại. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm gây tranh cãi, bạo lực gia đình. Hai bên thừa nhận không còn tình cảm với nhau và mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn. Do hạnh phúc gia đình phải được xây dựng trên nền tảng của sự thương yêu, quý trọng, tin tưởng, chăm sóc, giúp đỡ và tôn trọng nhau nhưng giữa hai bên đã không hòa hợp, thiếu sự thương yêu, tin tưởng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Nguyên đơn xin ly hôn và Bị đơn đồng ý. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Nguyên đơn.

[2.1.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Dương Quốc T1, sinh ngày 01/06/2010 và Dương Ngọc Thanh M, sinh ngày 30/3/2013.

Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu Bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung không yêu cầu Nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ lời trình bày của các đương sự thể hiện Nguyên đơn và Bị đơn đều quan tâm, chăm sóc các con. Ghi nhận lời trình bày của 02 trẻ Dương Quốc T1 và Dương Ngọc Thanh M thì 02 trẻ đều có nguyện vọng ở với bố do bố là người quan tâm, chăm sóc nhiều hơn. Hiện các con đang ở chung với bố, có chỗ ở, học tập sinh hoạt ổn định, Bị đơn có công việc, thu nhập ổn định, đảm bảo chăm lo cho cuộc sống của 02 trẻ và xét yêu cầu của Bị đơn xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp với nguyện vọng của 02 trẻ. Hội đồng xét xử xét đến điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và vấn đề tâm lý của 02 trẻ khi bố mẹ ly hôn, việc giao con chung cho Bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, không làm xáo trộn, ảnh hưởng đến sinh hoạt, học tập của trẻ, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của Nguyên đơn. Giao con chung cho Bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho Nguyên đơn do Bị đơn không yêu cầu.

[2.1.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung là nhà đất tại địa chỉ: Đường U, Phường S, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyên đơn yêu cầu được nhận 80% giá trị nhà đất trên, yêu cầu được nhận nhà và thanh toán tiền cho Bị đơn 20% giá trị tài sản. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, sổ vào sổ cấp GCN: CN03703 do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/6/2017 cho ông Dương Quốc C và bà Nguyễn Thị H thì nhà và đất tại Đường U, Phường S, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân do Nguyên đơn và Bị đơn đứng tên là sở hữu chung hợp nhất. Giá trị nhà và đất theo Chứng thư thẩm định giá số 25042306-BDS/BT-HN ngày 25/4/2023 của Công ty TNHH định giá K - Hà Nội là 11.290.000.000 đồng, các bên đương sự thống nhất về giá trị tài sản làm căn cứ giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tài sản được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự trình bày Bị đơn là lao động chính tạo thu nhập cho gia đình, Nguyên đơn ở nhà nội trợ, Bị đơn xuất trình các tài liệu thể hiện nguồn gốc tiền mua căn nhà này là do Bị đơn bán các tài sản riêng trước khi kết hôn để mua. Tại phiên tòa, Nguyên đơn cũng thừa nhận Bị đơn là lao động chính tạo thu nhập cho gia đình, việc mua sắm tài sản là do Bị đơn quyết định, nguồn tiền mua tài sản một phần là do gia đình Bị đơn cho và tiền cho thuê nhà cũng phục vụ cho sinh hoạt gia đình, Nguyên đơn ở nhà nội trợ không làm công việc khác tạo thu nhập.

Căn cứ khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 khi chia tài sản chung vợ chồng có xét công sức đóng góp của vợ chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung hai bên để phân chia. Căn cứ Điều 33, 59 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung của Nguyên đơn, cụ thể: Nguyên đơn được nhận 40% giá trị tài sản

(tương đương 4.516.000.000 đồng) và Bị đơn được nhận 60% giá trị tài sản (tương đương 6.774.000.000 đồng).

Xét ý kiến của Nguyên đơn và Bị đơn yêu cầu nhận tài sản và thanh toán phần giá trị tài sản cho bên còn lại, Hội đồng xét xử xét thấy tài sản chung hiện đang do Bị đơn quản lý cho thuê tạo nguồn thu nhập cho gia đình và chăm lo cho các con nghĩ nên giao cho Bị đơn tiếp tục quản lý, sử dụng và Bị đơn có trách nhiệm thối lại cho Nguyên đơn 40% giá trị tài sản (tương đương 4.516.000.000 đồng). Sau khi Bị đơn thanh toán xong cho Nguyên đơn thì Bị đơn có quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký sở hữu theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bị đơn không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ cho Nguyên đơn thì các đương sự có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Đường U, Phường S, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật, số tiền còn lại sẽ chia theo tỷ lệ: Nguyên đơn nhận 4/10, Bị đơn nhận 6/10.

[2.1.4] *Về nợ chung*: Nguyên đơn và Bị đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ V và Tổng Công ty Viễn thông F không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2] *Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh*: Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

Từ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

[3] *Về án phí*: Án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng do Nguyên đơn chịu toàn bộ.

Án phí dân sự về chia tài sản chung: Nguyên đơn, Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] *Chi phí tố tụng*: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 5.000.000 đồng; Chi phí định giá tài sản 15.000.000 đồng do Nguyên đơn đã nộp và tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a, b khoản 5, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H:

- *Về hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Dương Quốc C.

- *Về con chung*: Giao 02 con chung tên Dương Quốc T1, sinh ngày 01/06/2010 và Dương Ngọc Thanh M, sinh ngày 30/3/2013 cho ông Dương Quốc C trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà Nguyễn Thị H do ông C không yêu cầu.

Bà Nguyễn Thị H được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Xác định nhà và đất tại địa chỉ Đường U, Phường S, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung vợ chồng của ông Dương Quốc C và bà Nguyễn Thị H, phân chia cụ thể như sau:

Giá trị tài sản bà Nguyễn Thị H được nhận là 40% tương đương 4.516.000.000 (Bốn tỷ năm trăm mười sáu triệu) đồng.

Giá trị tài sản ông Dương Quốc C được nhận 60% tương đương 6.774.000.000 (Sáu tỷ bảy trăm bảy mươi bốn triệu) đồng.

Ông Dương Quốc C có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền 4.516.000.000 (Bốn tỷ năm trăm mười sáu triệu) đồng. Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Giao Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Đường U, Phường S, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Dương Quốc C quản lý, sử dụng. Sau khi ông Dương Quốc C thanh toán xong cho bà Nguyễn Thị H thì ông Có quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký sở hữu theo quy định của pháp luật.

Trường hợp ông Dương Quốc C không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ cho bà Nguyễn Thị H thì các đương sự có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Đường U, Phường S, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật, số tiền còn lại sẽ chia theo tỷ lệ: bà Nguyễn Thị H nhận 4/10, ông Dương Quốc C nhận 6/10.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có.

2. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án bà H đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0032599 ngày 20/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí chia tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 112.516.000 (Một trăm mười hai triệu năm trăm mười sáu ngàn) đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án bà H đã nộp là 60.500.000 (Sáu mươi triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0008893 ngày 06/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H phải nộp tiếp 52.016.000 (Năm mươi hai triệu không trăm mười sáu ngàn) đồng.

Ông Dương Quốc C phải chịu 114.774.000 (Một trăm mười bốn triệu bảy trăm bảy mươi bốn ngàn) đồng.

3. Chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 5.000.000 (Năm triệu) đồng, chi phí định giá tài sản 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng Nguyên đơn đã nộp đủ và tự nguyện chịu.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND Phường S, Q. P, Tp. HCM
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Ngọc Tâm